

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 |
| Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 3 |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ | 4 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 5 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ | 6 - 7 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 8 - 18 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 6, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có hai công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty nắm 99,35% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Đức Tài | Chủ tịch |
| Ông Trần Lê Quân | Thành viên |
| Ông Điều Chính Hải Triều | Thành viên |
| Ông Chris Freund | Thành viên |
| Ông Thomas Lanyi | Thành viên |
| Ông Trần Kinh Doanh | Thành viên |
| Ông Robert Willet | Thành viên |
| Ông Đặng Minh Lượm | Thành viên |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-------------------------|------------|
| Ông Trần Huy Thanh Tùng | Trưởng ban |
| Ông Hoàng Xuân Thắng | Thành viên |
| Bà Nguyễn Khánh Vân | Thành viên |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|--------------------------|--------------------|
| Ông Nguyễn Đức Tài | Tổng Giám đốc |
| Ông Điều Chính Hải Triều | Giám đốc Kỹ Thuật |
| Ông Vũ Đăng Linh | Giám đốc Tài chính |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Tài.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Giám Đốc: 

Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc 

Ngày 11 tháng 5 năm 2015



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61110221/17666208/LR/310315

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 5 năm 2015 và được trình bày từ trang 4 đến trang 18 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của chúng tôi đề ngày 11 tháng 5 năm 2015 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0048-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 5 năm 2015

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

VNĐ

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 3 năm 2015 | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 |
|------------|---|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 41.620.257.778 | 44.415.750.473 |
| 110 | I. Tiền | 4 | 113.165.665 | 166.006.122 |
| 111 | 1. Tiền | | 113.165.665 | 166.006.122 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 41.328.598.520 | 44.074.841.812 |
| 135 | 1. Phải thu cho vay ngắn hạn | 5 | 33.512.870.000 | 36.393.070.000 |
| 136 | 2. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 7.815.728.520 | 7.681.771.812 |
| 150 | III. Tài sản ngắn hạn khác | | 178.493.593 | 174.902.539 |
| 152 | 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 178.493.593 | 174.902.539 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 1.085.065.191.000 | 1.085.065.191.000 |
| 250 | I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | 1.085.065.191.000 | 1.085.065.191.000 |
| 251 | 1. Đầu tư vào các công ty con | 7 | 1.085.065.191.000 | 1.085.065.191.000 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.126.685.448.778 | 1.129.480.941.473 |
| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 3 năm 2015 | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 |
| 300 | A. NỢ PHẢI TRẢ | | 5.286.000.000 | 6.771.963.845 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 5.286.000.000 | 6.771.963.845 |
| 313 | 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | - | 1.535.236.325 |
| 315 | 2. Chi phí phải trả ngắn hạn | | 336.000.000 | 286.727.520 |
| 322 | 3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 4.950.000.000 | 4.950.000.000 |
| 400 | B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.121.399.448.778 | 1.122.708.977.628 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 8 | 1.121.399.448.778 | 1.122.708.977.628 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 1.119.567.790.000 | 1.119.567.790.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 628.592.500 | 628.592.500 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (1.560.294.500) | (300.394.500) |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 2.763.360.778 | 2.812.989.628 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 2.812.989.628 | 449.146.077.819 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ/năm này | | (49.628.850) | 441.940.361.809 |
| | - Chia cổ tức và trích lập quỹ | | | (888.273.450.000) |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.126.685.448.778 | 1.129.480.941.473 |

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 | Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 |
|-------|---|-------------|---|---|
| 21 | 1. Doanh thu hoạt động tài chính | 9 | 434.192.852 | 293.170.576.929 |
| 26 | 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | (483.821.702) | (273.280.033) |
| 30 | 3. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | (49.628.850) | 292.897.296.896 |
| 50 | 4. (Lỗ) lợi nhuận trước thuế | | (49.628.850) | 292.897.296.896 |
| 51 | 5. Chi phí thuế TNDN hiện hành | | - | (1.297.405.317) |
| 60 | 6. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN | | (49.628.850) | 291.599.891.579 |



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc



Ngày 11 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 | Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 |
|-------|---|-------------|---|---|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | (Lỗ) lợi nhuận trước thuế | | (49.628.850) | 292.897.296.896 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | 9 | (434.192.852) | (293.170.576.929) |
| 08 | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (483.821.702) | (273.280.033) |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (3.391.054) | (49.883.970.349) |
| 11 | Tăng (giảm) các khoản phải trả | | 30.449.866 | (63.942.495) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 10 | (1.516.413.711) | (999.437.877) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh | | (1.973.176.601) | (51.220.630.754) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | (162.416.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | | 2.880.000.000 | 70.550.000.000 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 300.236.144 | 1.452.497.062 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư | | 3.180.236.144 | (90.413.502.938) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Phát hành cổ phiếu | | - | 11.866.630.000 |
| 32 | Mua lại cổ phiếu | | (1.259.900.000) | (46.024.500) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính | | (1.259.900.000) | 11.820.605.500 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 | Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 |
|-------|--------------------------|-------------|---|---|
| 50 | Giảm tiền thuần trong kỳ | | (52.840.457) | (129.813.528.192) |
| 60 | Tiền đầu kỳ | | 166.006.122 | 130.068.849.738 |
| 70 | Tiền cuối kỳ | 4 | 113.165.665 | 255.321.546 |



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 5 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 6, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”), và có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin thêm trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15, tại Thuyết minh số 14 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3.10 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN

| | VNĐ | |
|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2015 | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 |
| Tiền mặt | 3.477.000 | 560.500 |
| Tiền gửi ngân hàng | 109.688.665 | 165.445.622 |
| TỔNG CỘNG | 113.165.665 | 166.006.122 |

5. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động - công ty con - vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất 5%/năm (Thuyết minh số 11).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | VNĐ | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2015 | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 |
| Phải thu lãi cho vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 11) | 7.730.481.081 | 7.596.524.373 |
| Các khoản khác | 85.247.439 | 85.247.439 |
| TỔNG CỘNG | 7.815.728.520 | 7.681.771.812 |

7. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 3 năm 2015 | | Địa điểm | Ngành nghề kinh doanh |
|--|--|-------------|----------------------|--------------------------------|
| | Giá trị đầu tư VNĐ | % sở hữu | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | 955.113.191.000 | 99,35 | TP HCM - Việt Nam | Thương mại sản phẩm điện tử |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử | 129.952.000.000 | 99,95 | TP HCM - Việt Nam | Thương mại sản phẩm điện tử |
| TỔNG CỘNG | 1.085.065.191.000 | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

8. VỐN CHỦ SỞ HỮU

8.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | VNĐ | | | | |
|--|--------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
| Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2013 | 109.567.040.000 | 115.489.262.500 | - | 449.146.077.819 | 674.202.380.319 |
| Phát hành cổ phiếu riêng lẻ | 6.851.120.000 | 5.015.510.000 | - | - | 11.866.630.000 |
| Mua lại cổ phiếu | - | - | (300.394.500) | - | (300.394.500) |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | 291.599.891.579 | 291.599.891.579 |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2014 | <u>116.418.160.000</u> | <u>120.504.772.500</u> | <u>(300.394.500)</u> | <u>740.745.969.398</u> | <u>977.368.507.398</u> |
| Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 1.119.567.790.000 | 628.592.500 | (300.394.500) | 2.812.989.628 | 1.122.708.977.628 |
| Mua lại cổ phiếu | - | - | (1.259.900.000) | - | (1.259.900.000) |
| Lỗ thuần trong kỳ | - | - | - | (49.628.850) | (49.628.850) |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2015 | <u>1.119.567.790.000</u> | <u>628.592.500</u> | <u>(1.560.294.500)</u> | <u>2.763.360.778</u> | <u>1.121.399.448.778</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

8. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

8.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Số cổ phiếu

Ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 3 năm 2015 111.956.779

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

8.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

| | Ngày 31 tháng 3 năm 2015 | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | Số cổ phiếu | Số cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 111.956.779 | 111.956.779 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 111.956.779 | 111.956.779 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | | |
| Cổ phiếu phổ thông | (129.273) | (3.283) |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 111.827.506 | 111.953.496 |

9. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | VNĐ | |
|----------------------------|--|--|
| | Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 | Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 434.192.852 | 6.170.576.929 |
| Thu nhập từ cổ tức | - | 287.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 434.192.852 | 293.170.576.929 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

10. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của kỳ hiện hành. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lợi nhuận chịu thuế (lỗ tính thuế) ước tính:

| | VNĐ | |
|---|--|--|
| | <i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i> | <i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014</i> |
| (Lỗ) lợi nhuận trước thuế | (49.628.850) | 292.897.296.896 |
| Các khoản điều chỉnh | | |
| Thu nhập từ cổ tức | - | (287.000.000.000) |
| (Lỗ tính thuế) lợi nhuận chịu thuế ước tính trong kỳ | (49.628.850) | 5.897.296.896 |
| Thuế TNDN ước tính trong kỳ | - | 1.297.405.317 |
| Thuế TNDN phải trả đầu kỳ | 1.516.413.711 | 999.437.877 |
| Thuế TNDN đã trả trong kỳ | (1.516.413.711) | (999.437.877) |
| Thuế TNDN phải trả cuối kỳ | - | 1.297.405.317 |

11. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| | | | VNĐ |
|----------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số tiền</i> |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Thu hồi vay | 2.880.000.000 |
| | | Lãi vay | 433.956.708 |
| | | Lãi vay nhận được | 300.000.000 |
| | | Trả hộ | 200.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

11. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>VNĐ</i> <i>Phải thu</i> |
|---|--------------------|------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i> | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | <u>33.512.870.000</u> |
| <i>Phải thu khác</i> | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Lãi vay | <u>7.730.481.081</u> |

12. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các khoản phải thu cho vay ngắn hạn, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có khả năng gặp rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và phải thu cho vay ngắn hạn.

Phải thu

Rủi ro tín dụng chủ yếu liên quan đến khoản phải thu phát sinh từ dịch vụ quản lý cung cấp cho các công ty con. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro này không trọng yếu.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Giám đốc theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố hay nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

13. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

| | <i>Giá trị ghi sổ</i> | | | | <i>Giá trị hợp lý</i> | | <i>VND</i> |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | | <i>Số đầu kỳ</i> | | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> | |
| | <i>Giá trị</i> | <i>Dự phòng</i> | <i>Giá trị</i> | <i>Dự phòng</i> | | | |
| Tài sản tài chính | | | | | | | |
| Phải thu bên liên quan | 41.243.351.081 | - | 43.989.594.373 | - | 41.243.351.081 | 43.989.594.373 | |
| Phải thu khác | 85.247.439 | - | 85.247.439 | - | 85.247.439 | 85.247.439 | |
| Tiền | 113.165.665 | - | 166.006.122 | - | 113.165.665 | 166.006.122 | |
| TỔNG CỘNG | 41.441.764.185 | - | 44.240.847.934 | - | 41.441.764.185 | 44.240.847.934 | |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | | | |
| Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả | 336.000.000 | - | 286.727.520 | - | 336.000.000 | 286.727.520 | |

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính được đánh giá tương đương với giá trị ghi sổ của chúng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

14. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

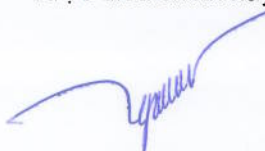
| | | |
|--|---------------|--|
| | | VNĐ |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây) | Phân loại lại | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại) |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG


| | | | |
|---------------------------|----------------|------------------|----------------|
| Phải thu cho vay ngắn hạn | - | 36.393.070.000 | 36.393.070.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 44.074.841.812 | (36.393.070.000) | 7.681.771.812 |

15. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.




Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính





Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 5 năm 2015